CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Thép Nhà Bè - VNSTEEL

Ngày 30/09/2025	9,400 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-8.7%	**-6.0%**	**-**

DT thuần
Q3/25
505
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 66.0| 15.1%
YoY: ▲ 225| 80.5%

LN thuần
Q3/25
0.97
tỷ VNĐ
QoQ: ▼2.00| -67.2%
YoY: ▲ 7.29| 115%

LN sau thuế
Q3/25
0.97
tỷ VNĐ
QoQ: ▼1.18| -54.9%
YoY: ▲ 6.91| 116%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
0.8%
YoY: +/-▼ 0.5%

ROE (TTM)
Q3/25
3.9%
YoY: +/-▲ 2.7%

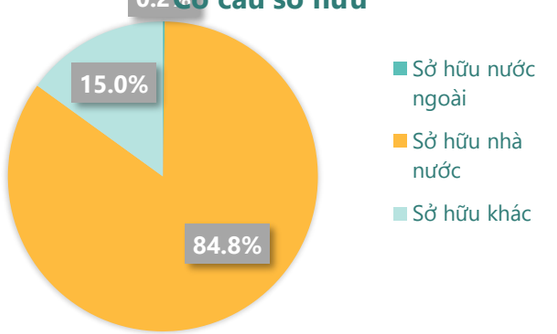
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	6,300 - 12,400
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	277
Số lượng CPLH (CP)	29,428,877
KLGD BQ 20 phiên (CP)	115
Sở hữu nước ngoài	0.2%
Beta	(0.06)
EPS	340
P/E	27.7

DT thuần
9T 2025
1,279
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 335| 35.6%

LN thuần
9T 2025
4.40
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 9.05| 195%

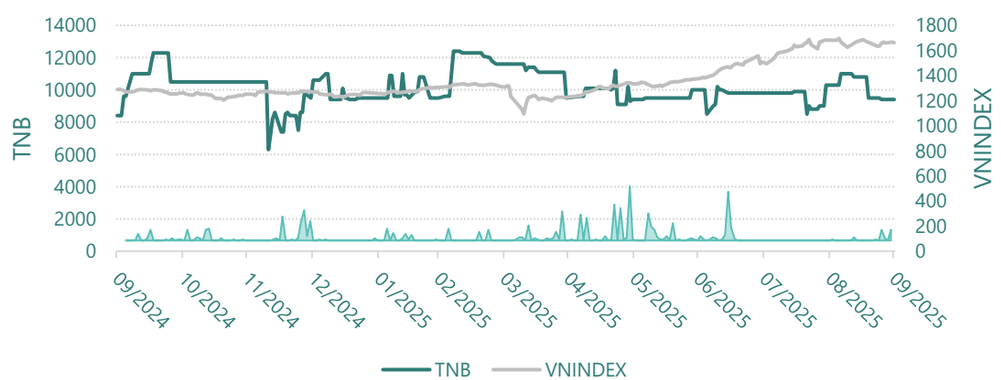
LN sau thuế
9T 2025
3.19
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 8.06| 165%

Cơ cấu sở hữu

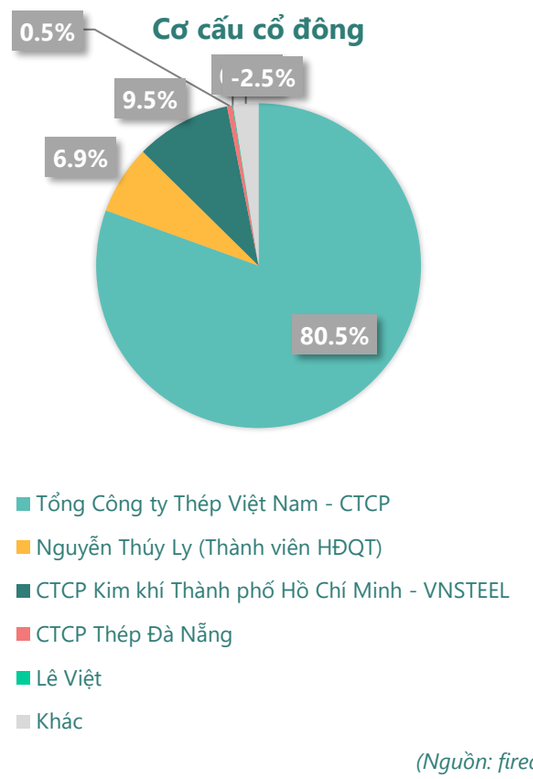


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



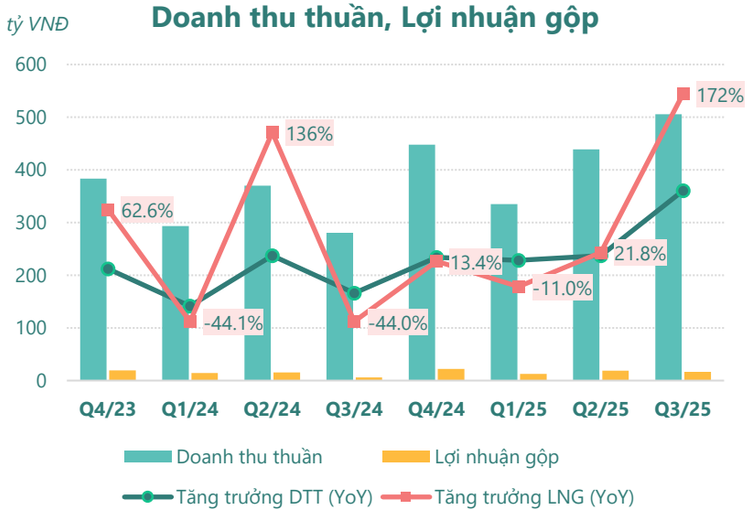
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

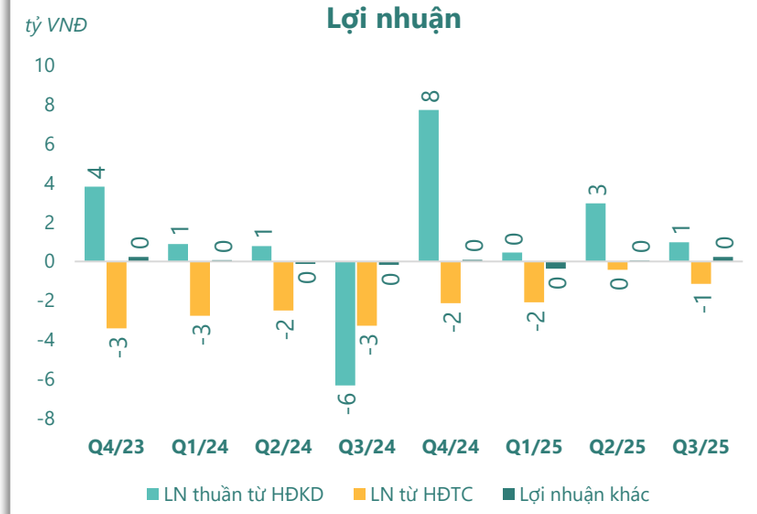
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



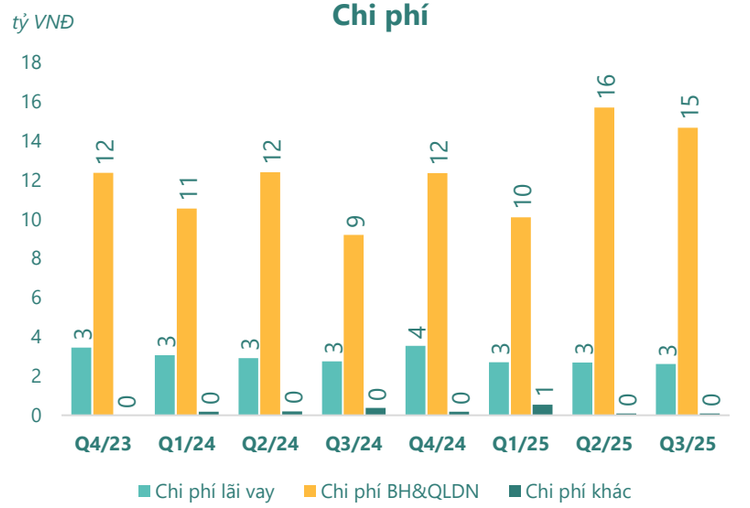
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



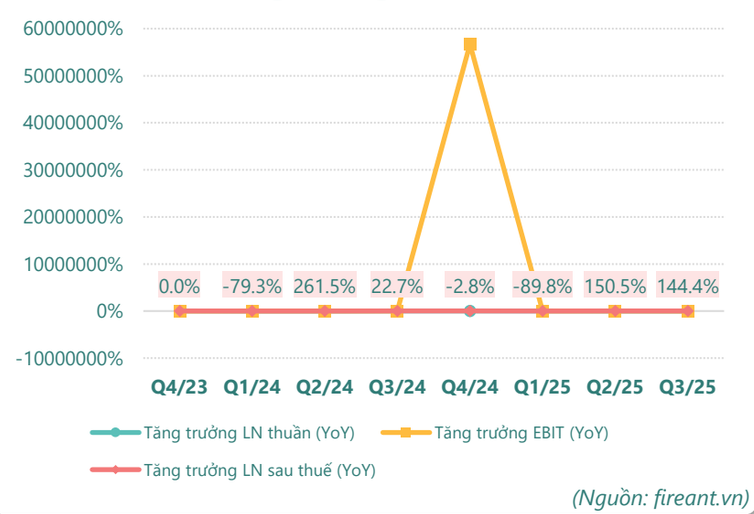
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



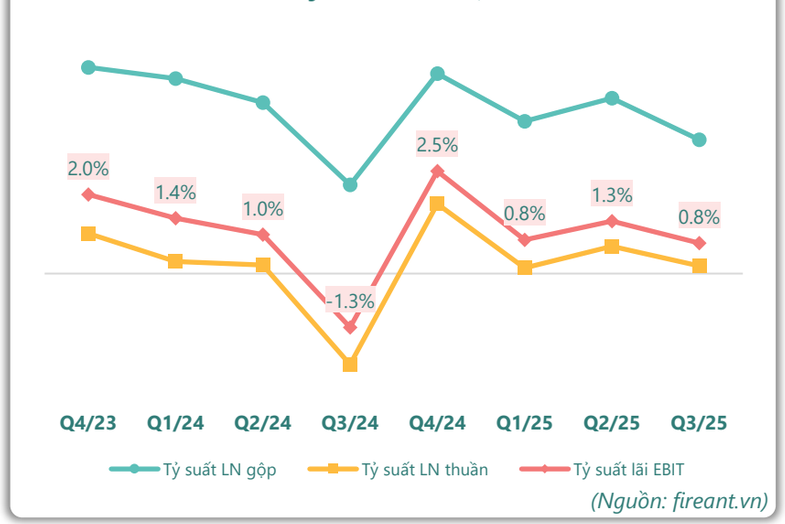
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



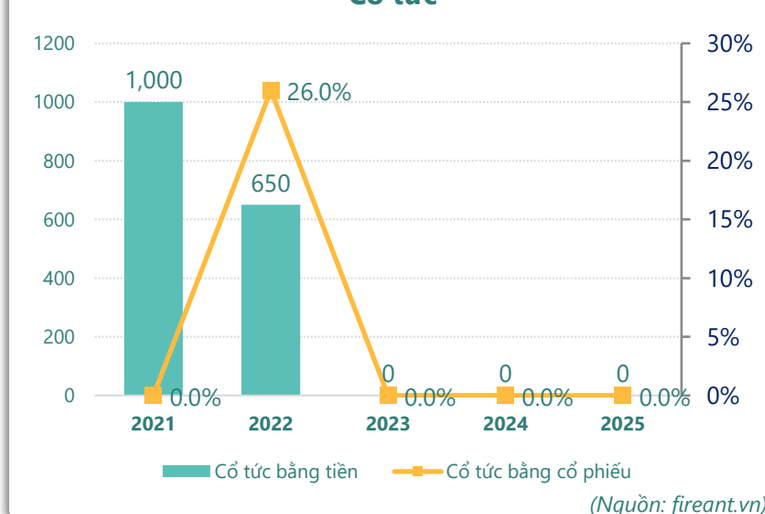
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

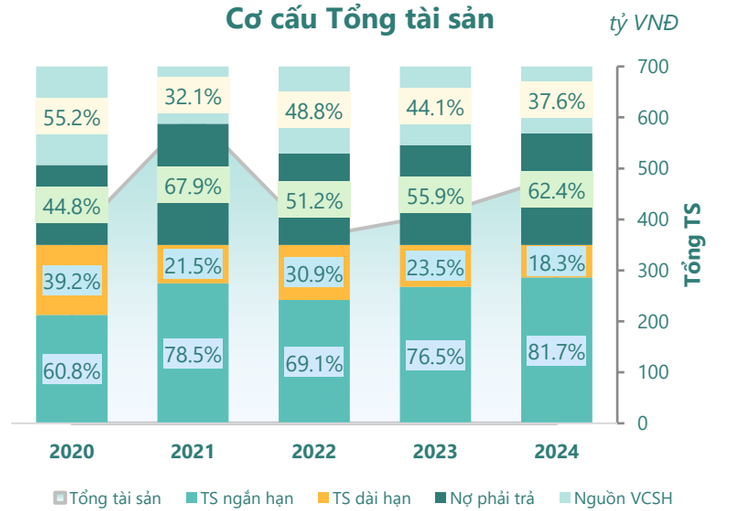
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

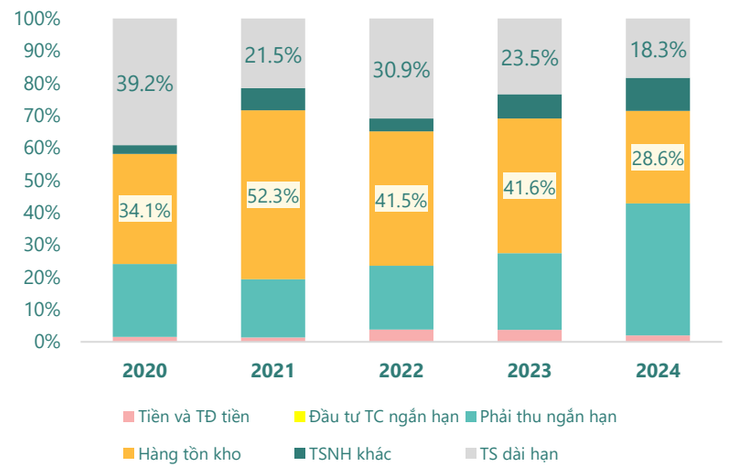
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



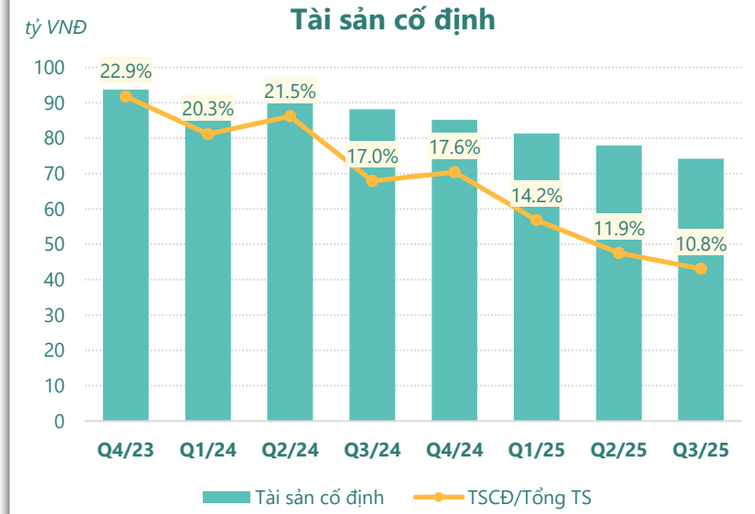
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



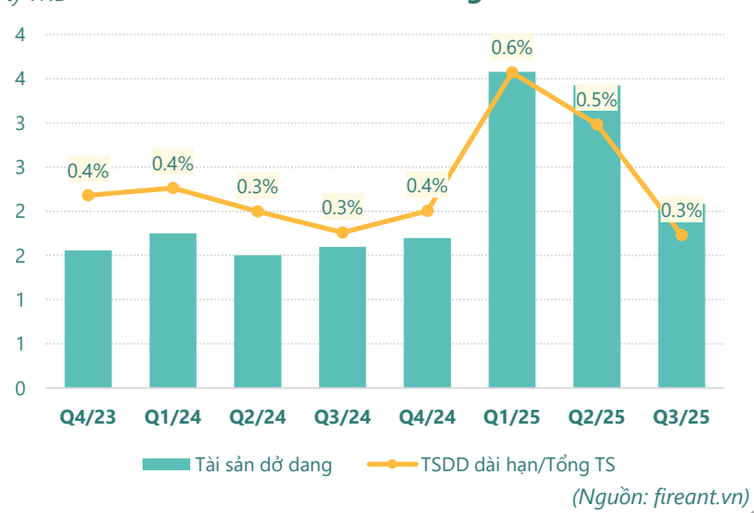
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



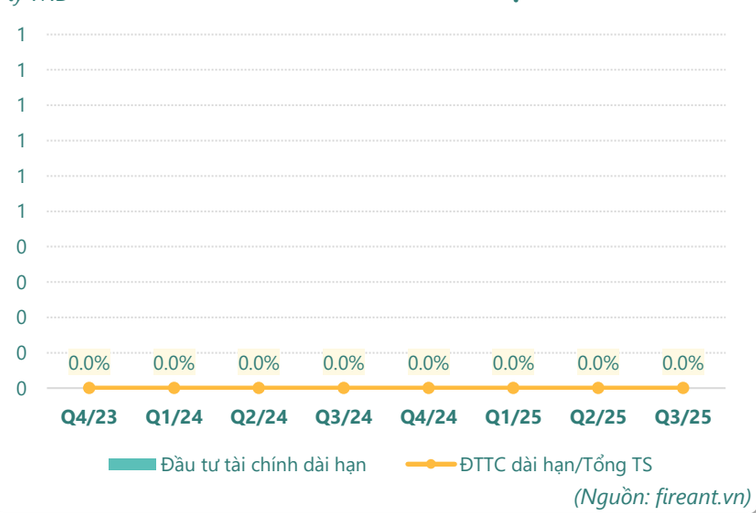
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



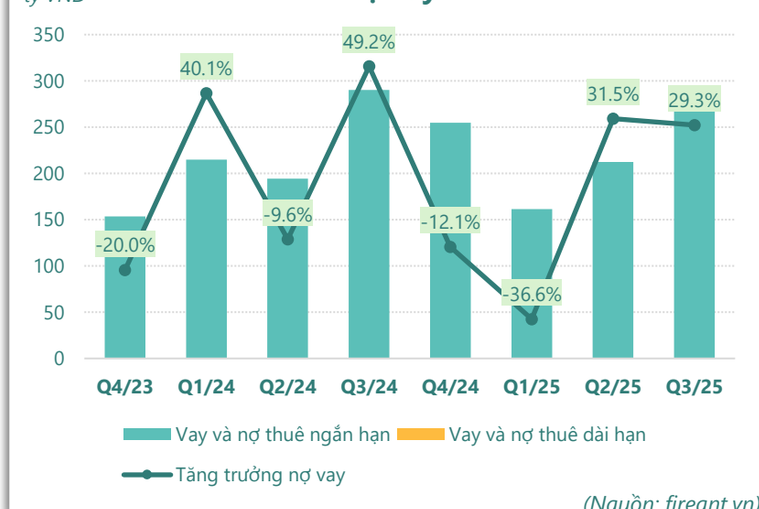
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

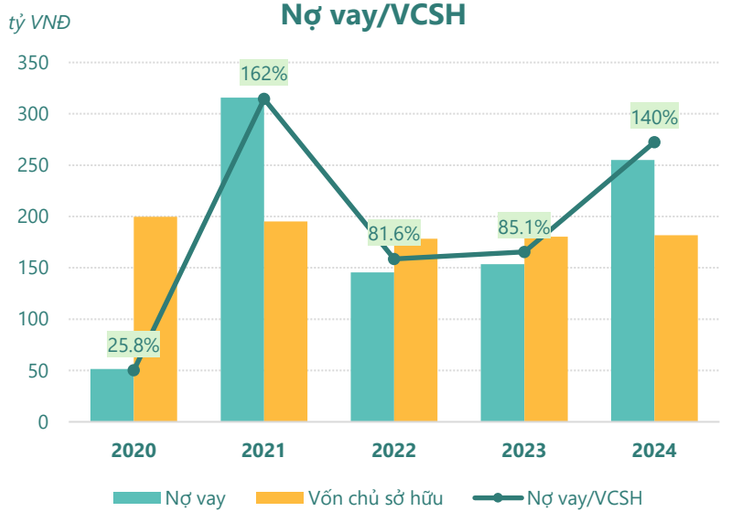
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

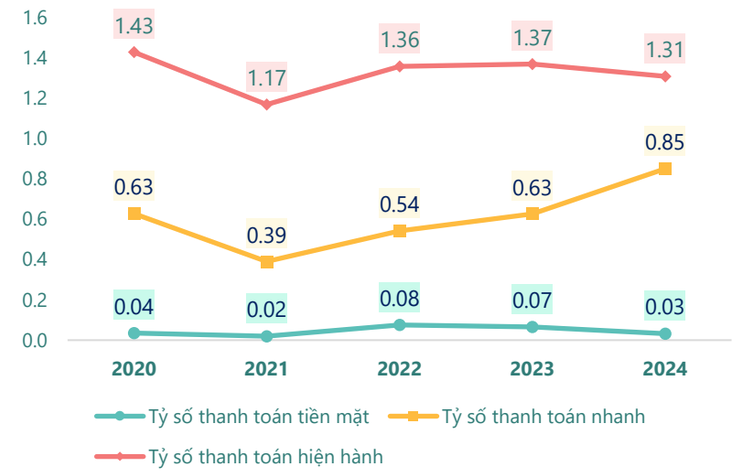
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



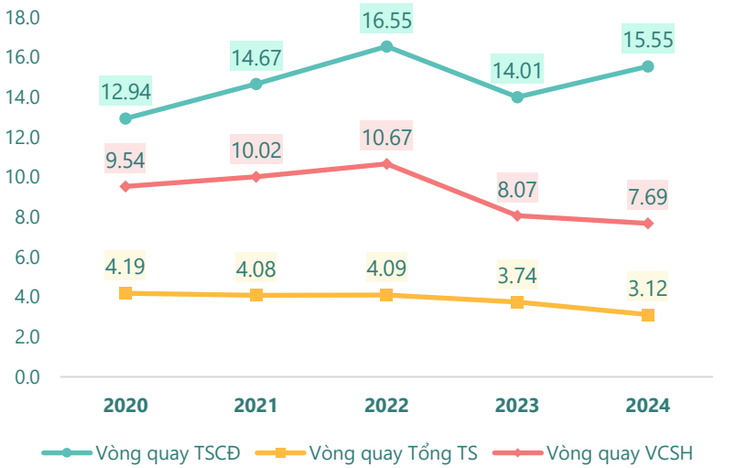
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



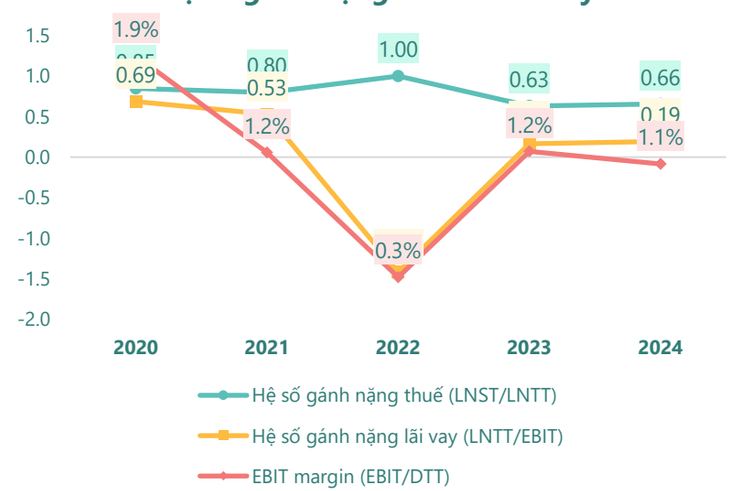
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



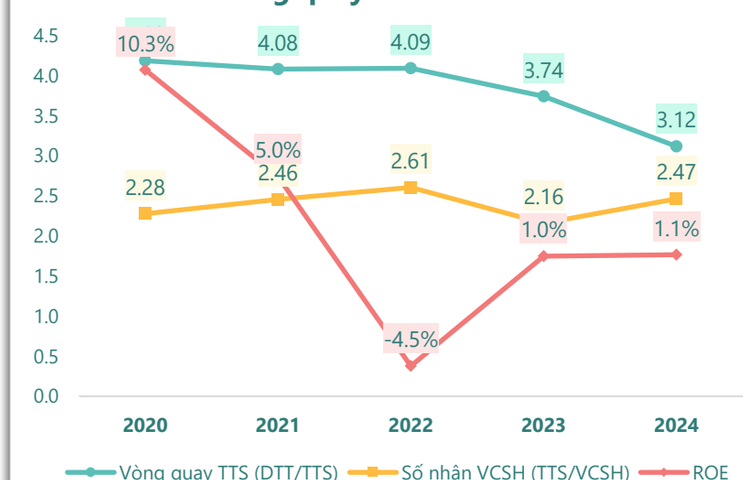
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



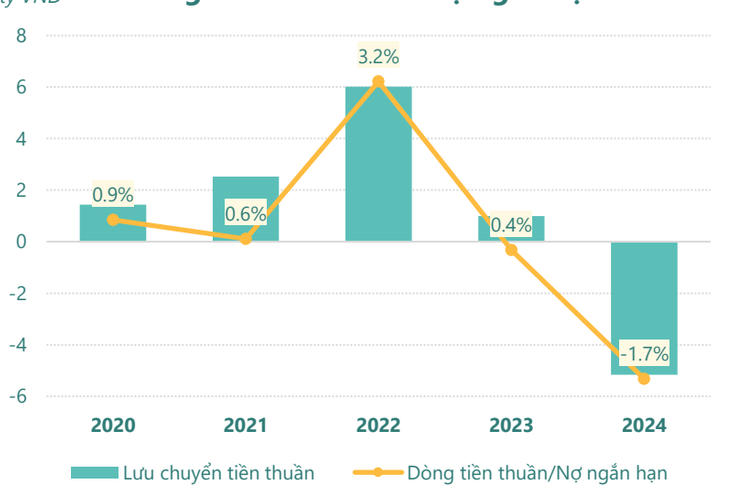
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**505**	**280**	**80.5%**	**1,279**	**944**	**35.6%**
Giá vốn hàng bán	489	274	78.3%	1,231	908	35.6%
Lợi nhuận gộp	16.8	6.17	172%	48.5	36.0	34.6%
Doanh thu HĐTC	1.48	0.08	1744%	4.70	1.20	291%
Chi phí TC	2.62	3.35	-21.9%	8.34	9.74	-14.4%
Chi phí lãi vay	2.61	2.75	-5.0%	8.01	8.74	-8.4%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	5.36	2.29	134%	13.7	9.88	38.7%
Chi phí QLDN	**9.31**	**6.92**	**34.5%**	**26.8**	**22.3**	**20.2%**
LN thuần từ HĐKD	0.97	-6.32	115%	4.40	-4.65	195%
Lợi nhuận khác	**0.24**	**-0.17**	**240%**	**-0.07**	**-0.22**	**69.6%**
LN trước thuế	1.21	-6.49	119%	4.34	-4.87	189%
Lợi nhuận sau thuế	**0.97**	**-5.94**	**116%**	**3.19**	**-4.87**	**165%**
LNST của CĐ cty mẹ	**0.97**	**-5.94**	**116%**	**3.19**	**-4.87**	**165%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	26.8	-59.9	1.95	236	-183	-71.1
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-7.07	-0.09	-1.27	-0.15	-0.33	-148
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-20.5	95.7	-35.2	-93.4	200	62.2
Tiền đầu kỳ	9.45	8.65	44.3	9.82	153	169
Lưu chuyển tiền thuần	**-0.81**	**35.7**	**-34.5**	**143**	**16.4**	**-157**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0.00	0	0	0.00	0.00
Tiền cuối kỳ	8.65	44.3	9.82	153	169	12.1

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**689**	**484**	**42.4%**
Tài sản ngắn hạn	611	395	54.7%
Tiền và tương đương tiền	12.1	9.82	22.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	150	0	
Phải thu ngắn hạn	183	197	-7.2%
Hàng tồn kho	175	139	26.6%
Tài sản ngắn hạn khác	90.8	49.7	82.8%
Tài sản dài hạn	**77.9**	**88.7**	**-12.1%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	74.2	85.2	-12.9%
Bất động sản đầu tư	0.93	0	
Tài sản dở dang	2.09	3.34	-37.5%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**0.70**	**0.15**	**357%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	355	302	17.7%
Nợ ngắn hạn	**355**	**302**	**17.7%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	275	255	7.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	56.0	32.4	73.0%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**334**	**182**	**83.6%**
Vốn chủ sở hữu	**334**	**182**	**83.6%**
Vốn điều lệ	294	145	103%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)